

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HS-ST
Ngày 22 - 3 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Thành;
2. Bà Hà Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bách - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Y S, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1990 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Buôn A, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Ê đê; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y W (đã chết) và bà H B (đã chết); Có vợ là H Đ và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án: Có 3 tiền án, cụ thể: Ngày 11/6/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2010/HSST. Ngày 06/01/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2017/HSST. Ngày 30/10/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 52/2019/HSST; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 05/7/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2012/HSST. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2022 đến nay. Có mặt.

2. Y K, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1988 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Buôn A, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: M'ông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y Đ (đã chết) và bà H P; Có vợ là H L và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án; tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2022 đến nay. Có mặt.

3. PH. Tên gọi khác: B N, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1971 tại tỉnh Lâm Đồng.

Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: M'ông; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông R J (đã chết) và bà P T (đã chết); Có vợ là R Lang và người 05 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án; tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. CL, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1991 tại tỉnh Lâm Đồng.

Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Chil; giới tính: nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông L H và bà C K; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

-Người bào chữa cho các bị cáo:

Người bào chữa cho bị cáo Y K: Ông Hoàng Văn Cầu - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Y S: Ông Phùng Văn Hải - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo PH và CL: Ông Ngô Đình Khôi - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Địa chỉ Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk: Số 39 đường Lý Thường Kiệt, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị hại: Anh Y N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Buôn Y, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Y N, sinh ngày 24/12/2008.

Địa chỉ: Buôn P, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người giám hộ cho anh Y N: Anh Y K - Bí thư Đoàn thanh niên xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 9/2022, Y S tổ chức ăn nhậu tại nhà cùng một số người, trong đó có Y K và Y N, đến khoảng 01 giờ khuya Y S điều khiển xe mô tô 78F1-235.87 chở Y K đi mua rượu, khi đi qua nhà anh Y N ở buôn Y, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, Y K và Y S thấy có 02 chiếc xe mô tô đang dựng trong sân, nên Y S nói Y S dừng xe lại để Y Kh đi vào trộm cắp xe. Y Kh đi vào sân thì thấy xe mô tô biển kiểm soát 47N1-058.60 cắm sẵn chìa khóa trong ổ khóa, lúc này Y S cũng đi vào nên Y Kh dùng tay ra hiệu cho Y S dắt xe còn Y K đẩy phía sau ra ngoài đường, rồi Y S điều khiển xe trộm cắp được về nhà thì gặp Y N, Y S và Y K nói cho Y N biết vừa trộm cắp được xe mô tô rồi rủ Y N đi bán, sau đó Y S điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được chở Y N, Y K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78F1-235.87 đi đến nhà PH ở buôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng để bán xe mô tô vừa trộm cắp được, khoảng 02 giờ sáng thì cả 03 người đến nơi. Y S hỏi Y N có mua xe không và mượn đồ để tháo biển số, Y K nói để biển số sợ người khác thấy. Nghe vậy Y N biết là xe trộm cắp nên không mua, Y S nói muốn bán chiếc xe này với giá 1.000.000 đồng, đồng thời xin Y Ny Hong cho gửi lại và nhờ tìm người mua xe thì Y N đồng ý. Khi CL là con rể của Y N đi làm về thấy xe Y S và Y K trộm cắp được để ở sau nhà, CL hỏi xe của ai thì Y Ny Hong nói của Y Sanh lấy trộm được đem qua nhờ bán giá 1.000.000 đồng, CL nói xe này cũ rồi, nếu bán 500.000 đồng thì mua để đi làm rẫy. Sau đó Y N gọi điện hỏi Y S có bán xe với giá 500.000 đồng không, thì Y S đồng ý, do phải đi làm nên CL đưa cho Y N 500.000 đồng để trả cho Y S, sau khi nhận tiền Y S chia cho Y N 250.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 14/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên huyện Lắk kết luận: Giá trị còn lại của xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn đen - bạc, biển kiểm soát 47N1-058.60 là 3.700.000 đồng.

Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 07/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk truy tố bị cáo Y S về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Y K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo PH về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo CL về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Y S, Y K, PH và CL.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Y S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Y S từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Y K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Y K từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 323, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo: PH phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”; Bị cáo CL phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo PH từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo CL từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lắc trả lại xe mô tô biển kiểm soát 47N1 – 058.60 cho anh Y N; trả lại xe mô tô biển kiểm soát 78F1-235.87 cho PH.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày lời bào chữa:

Về tội danh người bào chữa thống nhất quan điểm với đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Y K, Y N, CL có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa thấp, nhận thức về pháp luật có phần hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt các bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của mức hình phạt mà kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa.

Các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lắc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và lời khai của người làm chứng về mặt thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với biên bản xác định hiện trường, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng giữa tháng 9/2022, Y S và Y K trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 47N1 – 058.60 của anh Y N, sau đó đem đến gửi tại nhà PH để nhờ bán, CL đã mua xe mô tô do Y S và Y Khoa trộm cắp được với giá 500.000 đồng. Dù biết xe mô tô do Y Sanh và Y K trộm cắp nhưng Y N vẫn cho gửi xe tại nhà mình và CL mua xe này để sử dụng.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Y S đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích, bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật hình sự.

[3] Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc truy tố bị cáo: Y S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Y K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo PH về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo: CL về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự. Là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

g) Tái phạm nguy hiểm.”

Điều 323 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến

100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của bị hại một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an trong xã hội. Khi thực hiện hành phạm tội các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, buộc phải biết tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ, ai xâm phạm trái pháp luật sẽ bị nghiêm trị, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, vì mục đích tư lợi cá nhân, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nên phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo tham gia với vai trò là người thực hành, trực tiếp tham gia vào việc trộm cắp, chứa chấp và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Cần phân tích, đánh giá vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo để làm căn cứ quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Y S là người trực tiếp cùng Y K trộm cắp xe mô tô của anh Y N, sau đó rủ Y K và Y N đem xe trộm cắp được đến nhà Y N để bán, là người trực tiếp đi lấy tiền bán xe tiêu xài, thực hiện hành vi phạm tội với vai trò tích cực, hành vi phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” theo định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vì vậy hình phạt mà bị cáo phải chịu là nặng hơn các bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo Y K là người khởi xướng, trực tiếp cùng Y S trộm cắp xe máy của anh Y N và đem đi tiêu thụ. Nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” theo định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vì vậy hình phạt mà bị cáo phải chịu là nhẹ hơn bị cáo Y Sanh, nhưng nặng hơn các bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo PH, dù không hứa hẹn trước nhưng khi biết rõ xe mô tô do Y S và Y K trộm cắp mà có, Y N vẫn cho gửi tại nhà mình và tìm người mua để bán hộ. Nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo CL, dù biết rõ xe mô tô do Y S và Y K trộm cắp mà có, nhưng bị cáo vẫn mua để sử dụng. Nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Xét hành vi của bị cáo Y N và CL có mức độ nguy hiểm tương đương nhau. Vì vậy hình phạt mà bị cáo Y N và CL phải chịu là bằng nhau và nhẹ hơn bị cáo Y S và Y K.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Đối với bị cáo Y S có nhân thân xấu, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Tuy nhiên đây là tình tiết để định khung hình phạt đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không coi là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn; là người đồng bào dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự các bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt.

Bị cáo Y K, PH và CL phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Từ phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội hành vi phạm tội của bị cáo Y S và Y K, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo Y S và Y K ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục các bị cáo nói riêng, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với bị cáo PH và CL có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt trước khi phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, thiết nghĩ không cần thiết phải cách ly bị cáo Y N và CL ra khỏi đời sống xã hội, cho các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú và gia đình các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật và đạt được mục đích của hình phạt, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo PH và CL đều thuộc hộ nghèo, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Xét thấy miễn khấu trừ một phần thu nhập trong thời gian cải tạo đối với các bị cáo là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo Y N và CL.

[7] Đối với Y N là người cùng đi bán xe mô tô trộm cắp được với Y K và Y S, cùng đi lấy tiền với Y S và được chia tiền bán xe, nhưng thời điểm phạm tội vào tháng 9/2022, Y N chưa đủ 14 tuổi, căn cứ vào Điều 12 của Bộ luật hình sự Y N không phải chịu trách nhiệm hình sự và chưa đủ tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lắk trả lại xe mô tô biển kiểm soát 47N1 – 058.60 cho anh Y N; trả lại xe mô tô biển kiểm soát 78F1-235.87 cho PH là đúng quy của pháp luật, nên cần chấp nhận.

Truy thu sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Y S 250.000 đồng, của anh Y N 250.000 đồng, là tiền bị cáo Y S nhận của bị cáo PH từ việc bán xe mô tô trộm cắp được.

[10] Về án phí: Các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên miễn toàn bộ án phí hình sự cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo: Y S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Y S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 12/10/2022.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Y K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Y K 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 12/10/2022.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 323; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo PH phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt: Bị cáo PH 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 323; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo CL phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt: Bị cáo CL 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nơi bị cáo CL và PH cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo CL và PH cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách

nhệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Về khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo CL và PH trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Truy thu sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Y S 250.000 đồng, của anh Y N 250.000 đồng.

- Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người giám hộ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- CQCSĐTCA huyện Lắk;
- Bị cáo;
- THAHS;
- Chi cục THADS huyện Lắk;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Ngọc

